

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán APG (APG) xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại APG tháng 04/2025 như sau:

I. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC	ADC		
2	AME	AME		
3	ARM	ARM		
4	ATS	ATS		
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS	BBS		
8	BCF			BCF
9	BDB	BDB		
10	BED	BED		
11	BPC	BPC		
12	BSC	BSC		
13	BST	BST		
14	BTW	BTW		
15	BVS			BVS
16	CAP	CAP		
17	CDN	CDN		
18			CEO	CEO
19	CLH			CLH
20	CLM			CLM
21	CPC	CPC		
22	CSC	CSC		
23	CTB	CTB		
24	CTT	CTT		
25			CX8	CX8
26	D11	D11		
27	DAD	DAD		
28	DAE	DAE		
29	DC2	DC2		
30	DHP	DHP		
31	DHT	DHT		
32	DL1	DL1		
33	DNC	DNC		
34	DNP			DNP
35	DP3			DP3
36	DTD			DTD
37	DTK	DTK		
38			DVM	DVM
39	DXP	DXP		
40	EID	EID		



41			EVS	EVS
42	GDW	GDW		
43	GIC	GIC		
44	GKM	GKM		
45	GMX	GMX		
46	HAD			HAD
47	HAT	HAT		
48	HBS	HBS		
49	HCC	HCC		
50	HHC			HHC
51	HJS	HJS		
52	HLC			HLC
53	HTC	HTC		
54			HUT	HUT
55	HVT	HVT		
56	IDC			IDC
57	IDV	IDV		
58	INC			INC
59	INN	INN		
60			KSF	KSF
61	KST	KST		
62			L14	L14
63			L18	L18
64	LAS			LAS
65	LHC			LHC
66	LIG			LIG
67	MBS			MBS
68	MCC	MCC		
69	MCF			MCF
70	MCO	MCO		
71	MDC	MDC		
72	MEL	MEL		
73	MKV	MKV		
74	MVB	MVB		
75	NAG	NAG		
76	NAP	NAP		
77	NBC			NBC
78	NBP	NBP		
79	NBW	NBW		
80			NDN	NDN
81	NET	NET		
82	NFC			NFC
83	NTH	NTH		
84	NTP			NTP
85	PBP	PBP		
86	PCE	PCE		
87	PCT	PCT		
88	PDB	PDB		
89	PGN	PGN		
90	PGS	PGS		
91	PIA	PIA		
92	PIC	PIC		
93	PLC			PLC
94	PMB			PMB
95	PMC	PMC		

96	PMP	PMP		
97	PMS	PMS		
98	POT	POT		
99	PPP	PPP		
100	PPS	PPS		
101	PPY	PPY		
102	PRC	PRC		
103	PRE	PRE		
104	PSC	PSC		
105	PSD	PSD		
106	PSE			PSE
107	PSI			PSI
108	PSW	PSW		
109	PTS	PTS		
110			PVB	PVB
111	PVC			PVC
112	PVG	PVG		
113	PVI			PVI
114	PVS			PVS
115	QHD	QHD		
116	QST	QST		
117	RCL			RCL
118	S55			S55
119	S99			S99
120	SAF	SAF		
121	SCI	SCI		
122	SD5			SD5
123	SD9			SD9
124	SDC	SDC		
125	SDN	SDN		
126	SEB	SEB		
127	SED	SED		
128	SGC	SGC		
129	SHE	SHE		
130	SHN	SHN		
131			SHS	SHS
132	SJ1	SJ1		
133	SLS	SLS		
134	SMN	SMN		
135	STC	STC		
136	SVN			SVN
137	SZB			SZB
138	TA9	TA9		
139	TDT	TDT		
140	TET	TET		
141			THD	THD
142	THS	THS		
143	THT			THT
144	TIG	TIG		
145	TMB	TMB		
146	TMC	TMC		
147	TNG			TNG
148	TPH	TPH		
149	TPP	TPP		
150	TSB	TSB		

6
C
C
H
U
B
A

151	TTC	TTC		
152	TTT			TTT
153	TV4	TV4		
154	TVD			TVD
155			UNI	UNI
156	V12	V12		
157	VBC	VBC		
158			VC1	VC1
159	VC3			VC3
160	VC6	VC6		
161	VC7			VC7
162	VCC	VCC		
163	VCS			VCS
164			VE3	VE3
165	VGS			VGS
166	VHE	VHE		
167	VIF	VIF		
168	VMS	VMS		
169	VNC	VNC		
170	VNR			VNR
171	VSA	VSA		
172	VSM	VSM		
173	WCS	WCS		

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP HCM

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABT	ABT		
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACL	ACL		
6	ADS	ADS		
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11			BAF	BAF
12	BBC			BBC
13	BCG	BCG		
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16			BHN	BHN
17	BIC			BIC
18	BID			BID
19	BKG	BKG		
20	BMC	BMC		
21	BMI			BMI
22	BMP			BMP
23	BRC	BRC		
24	BSI			BSI
25	BTP	BTP		
26	BTT	BTT		
27	BVH			BVH
28	BWE			BWE
29			C32	C32
30	CCI	CCI		

31	CCL			CCL
32	CDC	CDC		
33	CII			CII
34	CLC	CLC		
35	CLW	CLW		
36	CMG			CMG
37	CMV	CMV		
38	CNG			CNG
39	COM	COM		
40	CRC	CRC		
41	CSM			CSM
42	CSV			CSV
43	CTD			CTD
44	CTF			CTF
45	CTG			CTG
46			CTI	CTI
47			CTR	CTR
48	CTS			CTS
49	CVT			CVT
50	DAT	DAT		
51	DBC			DBC
52	DBD			DBD
53	DBT	DBT		
54	DCL			DCL
55	DCM			DCM
56	DGC			DGC
57	DGW			DGW
58	DHA			DHA
59	DHC			DHC
60	DHG			DHG
61			DHM	DHM
62	DIG			DIG
63	DPG			DPG
64	DPM			DPM
65	DPR			DPR
66	DRC			DRC
67	DRL	DRL		
68			DSE	DSE
69	DSN			DSN
70	DTA			DTA
71	DTT	DTT		
72	DVP			DVP
73	DXG			DXG
74			DXS	DXS
75	EIB			EIB
76	ELC			ELC
77			EVF	EVF
78	FIR	FIR		
79	FMC			FMC
80	FPT			FPT
81			FRT	FRT
82	FTS			FTS
83	GAS			GAS
84	GDT	GDT		
85			GEE	GEE
86	GEG			GEG
87	GEX			GEX
88	GMD			GMD
89	GSP	GSP		

PHÂN PHÒNG

 CÔNG

90	GTA	GTA		
91	GVR			GVR
92	HAH			HAH
93	HAP			HAP
94	HAX			HAX
95	HCD	HCD		
96	HCM			HCM
97	HDB			HDB
98	HDC			HDC
99	HDG			HDG
100	HHP	HHP		
101	HHS			HHS
102			HHV	HHV
103	HMC			HMC
104	HPG			HPG
105			HPX	HPX
106	HQC	HQC		
107	HRC			HRC
108			HSG	HSG
109	HSL	HSL		
110	HTI			HTI
111	HTL	HTL		
112	HTN			HTN
113	HTV	HTV		
114	HUB			HUB
115	HVH	HVH		
116	IDI			IDI
117	IJC			IJC
118	ILB	ILB		
119			IMP	IMP
120	ITC			ITC
121	KBC			KBC
122	KDC			KDC
123	KDH			KDH
124			KHG	KHG
125	KMR	KMR		
126	KOS	KOS		
127	KSB			KSB
128	L10	L10		
129			LAF	LAF
130	LBM			LBM
131	LCG			LCG
132	LGC	LGC		
133			LHG	LHG
134	LIX			LIX
135	LM8			LM8
136	LPB			LPB
137	LSS			LSS
138	MBB			MBB
139	MCP	MCP		
140	MIG			MIG
141	MSB			MSB
142	MSH			MSH
143	MSN			MSN
144	MWG			MWG
145			NAB	NAB
146	NAF			NAF
147	NAV	NAV		
148	NBB			NBB

149	NCT			NCT
150	NHA			NHA
151	NHH			NHH
152			NKG	NKG
153	NLG			NLG
154	NNC			NNC
155	NSC			NSC
156	NTL			NTL
157	OCB			OCB
158	OPC			OPC
159	PAC			PAC
160	PAN			PAN
161	PCI			PCI
162	PDN	PDN		
163	PDR			PDR
164	PET			PET
165	PGC	PGC		
166	PGD	PGD		
167	PGI	PGI		
168	PHC	PHC		
169	PHR			PHR
170	PJT	PJT		
171	PLX			PLX
172	PNJ			PNJ
173	POW			POW
174			PTB	PTB
175			PVD	PVD
176			PVP	PVP
177	PVT			PVT
178	REE			REE
179	S4A	S4A		
180	SAB			SAB
181	SAM			SAM
182			SAV	SAV
183	SBA	SBA		
184	SBT			SBT
185	SCR			SCR
186			SCS	SCS
187	SFC	SFC		
188	SFG			SFG
189	SFI	SFI		
190	SGN	SGN		
191	SHA			SHA
192	SHB			SHB
193	SHI			SHI
194	SHP			SHP
195			SIP	SIP
196	SJS			SJS
197			SKG	SKG
198	SMB	SMB		
199	SRC			SRC
200	SSB			SSB
201	SSI			SSI
202	ST8			ST8
203	STB			STB
204	STG	STG		
205	SVC	SVC		
206	SVI	SVI		
207	SVT	SVT		

208	SZC			SZC
209	SZL			SZL
210	TBC	TBC		
211	TCB			TCB
212	TCD	TCD		
213	TCH			TCH
214	TCL			TCL
215			TCM	TCM
216	TCO	TCO		
217	TCT	TCT		
218	TDG	TDG		
219	TDM			TDM
220	TEG	TEG		
221	THG			THG
222	TIP			TIP
223	TLG			TLG
224	TMP	TMP		
225	TMS	TMS		
226	TNI	TNI		
227	TNC			TNC
228	TNH			TNH
229	TPB			TPB
230	TRA			TRA
231	TRC			TRC
232	TTA	TTA		
233	TV2	TV2		
234	TVS			TVS
235	TVT	TVT		
236	TYA	TYA		
237	UIC	UIC		
238	VCB			VCB
239	VCF			VCF
240	VCG			VCG
241	VCI			VCI
242	VDP			VDP
243			VDS	VDS
244			VFG	VFG
245	VGC			VGC
246	VHC			VHC
247	VHM			VHM
248	VIB			VIB
249	VIC			VIC
250	VID			VID
251			VIP	VIP
252	VIX			VIX
253			VJC	VJC
254			VMD	VMD
255	VND			VND
256	VNG			VNG
257	VNM			VNM
258			VNS	VNS
259	VPB			VPB
260	VPD	VPD		
261	VPG			VPG
262	VPI			VPI
263			VPS	VPS
264	VRC	VRC		
265	VRE			VRE
266	VSC			VSC

